

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/10/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+RP2+RP3+CLO	7:25	4+0+0+17	0+0+0+0		2+0+0+20	0+0+0+0	chuyen 2 RP2- RP3
2		P10+P1+TD1	9:25	0+0+11	0+0+0		0+1+17	0+0+0	chuyen 11 P10_P1

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/10/2021	TO: TD1 - RP2 - RP3 - CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LTuấn - Nam - Nnam	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DINH NAM	TD1	29	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
2	BUI VAN LUAN	TD1	30	1	5	35	73	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN THANH TUAT	TD1	28	1	10		53	KHOAN	Vietnamese
4	BUI NGOC QUANG	TD1	31	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MANH CUONG	CLO	31	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN VAN KHANG	CLO	26	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	VU HAI LONG	CLO	22	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN LAP QUOC	CLO	20	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM DUC MINH	CLO	27	1	4	15	63	KHOAN	Vietnamese
10	LE VAN BINH	CLO	38	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN NGOC AN	CLO					75	KHOAN	Vietnamese
12	VU VAN QUYNH	CLO	29	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN CHI NGHIEP	CLO	35	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN THE NHU	CLO	23	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG THANH MINH	CLO	32-34	3	15		65	KHOAN	Vietnamese
16	MAI NGOC QUYEN-PVDT	CLO	28	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
17	TELESHENKO I.A	CLO	24	1	18		120	KHOAN	Russian
18	NGUYEN VAN THUC	CLO	21	1	11		84	KHOAN	Vietnamese
19	VU THE HUNG	CLO	25	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	LE HUU HUNG	CLO	30	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN THUAN	CLO	36-37	2	15		68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	4	4	27	272	35	2		CHUYEN 2 KHACH TU RP 2 SANG RP3
2	RP2	0	0	0	0	0	0	2	
3	RP3	0	0	0	0	0	0		
4	CLO	17	19	125	1.255	15	20		
TOTAL		21	23	152	1.527	50	22		
WEIGHT KG				152	1.527	50			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/10/2021	TO: P10 - P1 - TD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LTuấn - Nam - NNam	ETA: 11:40
Xam - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HUNG	TD1	42-43	2	9		74	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	38	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
3	TRƯƠNG XUÂN TRUNG	TD1	40	1	8		82	KHOAN	Vietnamese
4	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	34	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN MINH	TD1	36	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	39	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG THỰC	TD1	44	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ QUY VINH	TD1	37	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM MINH TRỌNG-PVDT	TD1	41	1	9		69	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN PHONG	TD1	35	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
11	BAEV	TD1	45	1	5		80	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	0	0	0	0	40	0	40	CHUYEN 11 KHACH TU P10 SANG P1
2	P1	0	0	0	0	0	1	0	
3	TD1	11	12	71	786	0	17	0	
TOTAL		11	12	71	786	40	18	0	
WEIGHT KG				71	786	40			

GRAND TOAL: 897 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/10/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+P6+BK8	7:25	22+0+0	0+0+0		16+0+3	0+0+0	chuyen1 P6- BK8;
2		P4+RP3+RP1	7:25	4+17+1	0+0+0		0+13+2	0+0+0	CHUYEN 2 p4- rp3, CHUYEN 2 p4-rp1
3		RP3+P10+BK4	7:25	9+13+0	0+0+0		0+13+7	0+0+0	
4		RP3+RCDM	9:25	19+2	0+0		0+0	0+0	
5		TD2+P7+P4	9:25	15+1+6	0+0+0		7+0+13	0+0+0	
6		RP3+TD1+TD2	9:25	17+0+3	0+0+0		7+0+7	0+0+0	CHUYEN 2 tdl- td2

TTBDSX

1/2 người CD BK8 về bờ sau đó ra RCDM chuyển sau
2/ 4 NGƯỜI p9 VỀ QUA tdl2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	TO: TD2 - P6 - BK8	CREW: VThắng - XTrường - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN BAC	TD2	01	1	5	60	79	KHOAN	Vietnamese
2	BUI NGOC DUNG	TD2	17	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
3	NGO VAN BAC	TD2	04	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
4	DO VAN CUONG	TD2	18	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
5	LE VIET CHIEN	TD2	03	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
6	VU MINH TUNG-PVD	TD2	19-20	2	15		67	KHOAN	Vietnamese
7	TRINH QUANG HUY	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG DINH THANG	TD2	06	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN VAN DIEP	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN KHAC HA TRUNG	TD2	24-26	3	15		74	KHOAN	Vietnamese
11	TRINH QUOC KHANH	TD2	07	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
12	DINH DUY HAI	TD2	22-23	2	13		77	KHOAN	Vietnamese
13	VU VAN DOAI	TD2	08-09	2	7		81	KHOAN	Vietnamese
14	LE VINH THUAT	TD2	15	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG VIET LINH	TD2	05	1	8		104	KHOAN	Vietnamese
16	DO XUAN VANG	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
17	HO VAN HUNG	TD2	13-14	2	7		72	KHOAN	Vietnamese
18	VU VAN THUY	TD2	16	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN NG. MANH TUONG-PVD	TD2	02	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN VU HUNG-PVDT	TD2	10-11	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM DINH LO	TD2	12	1	9	6	64	KHOAN	Vietnamese
22	BUI MANH PHUC	TD2	21	1	5		71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	26	136	1.645	66	16		CHUYEN 1 PAX TU P6 SANG BK8 <i>70 kg vè từ BK8</i>
2	P6	0	0	0	0	0	0		
3	BK8	0	0	0	0	40	3		
TOTAL		22	26	136	1.645	106	19		
WEIGHT KG				136	1.645	106			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2021	TO: P4 - RP3 - RP1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ QUỐC VIỆT	P4	8	1	3	30	65	KHI	Vietnamese
2	PHẠM VĂN QUYÊN	P4	09	1	6		80	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN BẠCH DUƠNG	P4	07	1	6		73	KHI	Vietnamese
4	BUI HUU LAN	P4	06	1	9		77	KHI	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ĐÔNG	RP3	54-55	2	6	25	74	KH-THAC	Vietnamese
6	CAO ĐỨC THANH	RP3	93	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
7	LUƠNG QUANG THƯƠNG	RP3	49	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3	96	1	5		68	KHI	Vietnamese
9	TU NGỌC HAI	RP3	56-57	2	13		75	KHI	Vietnamese
10	LÀNH TRUNG ĐÔNG	RP3	92	1	5		65	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	99	1	8		69	KHI	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN TRỰC	RP3	52	1	6		67	KHI	Vietnamese
13	NGÔ THANH LÂM	RP3	01	1	5		73	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	RP3					93	KHI	Vietnamese
15	TRẦN VIỆT QUANG	RP3	94	1	5		76	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3	95	1	3		66	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	50-51	2	8		55	KHI	Vietnamese
18	ĐƯƠNG HỒNG QUÂN	RP3	76	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN CHINH THI	RP3	53	1	3		75	KHI	Vietnamese
20	LÊ HOANG ANH	RP3	98	1	7		73	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN HOÀNG NAM	RP3	97	1	7		80	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN HỒNG DUƠNG	RP1	03	1	7	10	57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	4	4	24	295	30	0	4	CHUYEN 2 PAX TU P4 SANG RP3, + 100KG HANG CHUYEN 2 PAX TU P4 SANG RP1
2	RP3	17	19	96	1.221	25	13		
3	RP1	1	1	7	57	10	2		
TOTAL		22	24	127	1.573	65	15		
WEIGHT KG				127	1.573	65			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: RP3 - P10 - BK4	CREW: QViệt - HUNG - QTrưởng	ETA: 09:20
VANG-1			

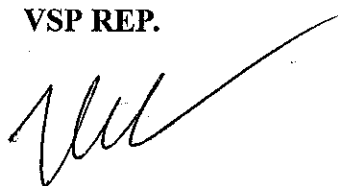
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN PHÚ	RP3	04	1	3		76	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	05	1	7		85	KHI	Vietnamese
3	PHẠM THANH TÙNG	RP3	01	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUÝ TÀI	RP3	02	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN SỸ DUYỆT	RP3	03	1	8		77	KHI	Vietnamese
6	TẠ PHI KHÁNH	RP3	06	1	4		70	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN KHAI	RP3	07-08	2	14		55	KHI	Vietnamese
8	CAO VĂN HIỀN	RP3	09-10	2	12		60	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN NHƯ Y	RP3	11-12	2	18	18	64	KHI	Vietnamese
10	DƯƠNG ĐIẾP PHI	P10	78	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG THUY	P10	77	1	3	50	67	KHOAN	Vietnamese
12	CAO ĐÌNH THANH	P10	86	1	4		54	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HẬU	P10	80	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
14	NHÂM ĐỨC QUANG	P10	82	1	5	6	74	KHOAN	Vietnamese
15	ĐÀU VĂN MINH	P10	76	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU NAM-PVD	P10	85	1	9		88	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HUYNH	P10	81	1	5	12	66	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH HÙNG	P10	79	1	8		55	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN HÒA	P10	83	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN HUY HÙNG	P10	87	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ HỮU HẬU	P10	84	1	10		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

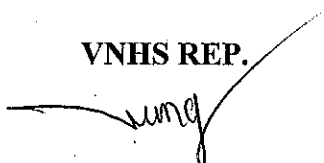
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	9	12	84	618	18	0		
2	P10	12	12	67	840	68	13		
3	BK4	0	0	0	0	40	7		
TOTAL		21	24	151	1.458	126	20		
WEIGHT KG				151	1.458	126			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: RP3 - RCDM	CREW: VThắng - XTrường - Huy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM THANH TÙNG	RP3	28	1	6		83	KHI	Vietnamese
2	HOÀNG PHÚC	RP3	30	1	5		68	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC HUNG	RP3	27	1	5		78	KHI	Vietnamese
4	PHẠM TUÂN KHANG	RP3	29	1	5		58	KHI	Vietnamese
5	PHẠM PHI BAO	RP3	36	1	4		63	KHI	Vietnamese
6	PHAN MẠNH TOÀN	RP3	41-43	3	15		73	KHI	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC NHẬT	RP3	44-46	3	18		72	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ĐIỆP	RP3	49-50	2	20		19	KHI	Vietnamese
9	HOÀNG TRỌNG PHÚC	RP3	39-40	2	17		73	KHI	Vietnamese
10	PHẠM TUÂN VIỆT	RP3	26	1	9		87	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN BA HIỆP	RP3	37-38	2	10		74	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	RP3	47	1	8		65	KHI	Vietnamese
13	HỒ QUỐC NHẬT	RP3	48	1	5		78	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN BÌNH	RP3	33	1	10		60	KHI	Vietnamese
15	VŨ DUY PHƯƠNG	RP3	31	1	4		63	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN PHÚC	RP3	34-35	2	11		80	KHI	Vietnamese
17	ĐỖ QUỐC VŨ	RP3	32	1	14		60	KHI	Vietnamese
18	TRẦN VĂN NGUYỄN	RP3	51	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	LÊ NGỌC BÌNH	RCDM					85	CODIEN	Vietnamese
20	BUI ĐỨC HẬU	RCDM				70	70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	18	26	171	1.224	0	0		
2	RCDM	2	0	0	155	70	0		
TOTAL		20	26	171	1.379	70	0		
WEIGHT KG				171	1.379	70			

GRAND TOAL: 1.620 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/10/2021	TO: TD2 - P7 - P4 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - DTùng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE XUÂN THĂNG	TD2	50-51	2	19	20	81	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN MINH TOAN	TD2	48-49	2	10		58	C.TY PHAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TAM	TD2	47	1	8		49	C.TY PHAN	Vietnamese
4	TRINH TIEN DUNG	TD2	45-46	2	20		80	SCHLUMBE	Vietnamese
5	TONG VAN THE	TD2	35-36	2	19		70	SCHLUMBE	Vietnamese
6	NGUYEN VAN THONG	TD2	33-34	2	18		66	SCHLUMBE	Vietnamese
7	VO TAN HOA	TD2	37-38	2	20		70	SCHLUMBE	Vietnamese
8	CAO MINH THAI	TD2	40-41	2	12		66	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN THANH HUY	TD2	39	1	10		78	CODIEN	Vietnamese
10	PHAM THANH DUY	TD2	43	1	9		79	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN TOAN THANG	TD2	44	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
12	TRAN VAN MINH	TD2	32	1	20		68	CODIEN	Vietnamese
13	DOAN TUAN DUONG	TD2	42	1	11		70	CODIEN	Vietnamese
14	TRAN QUOC THANG	TD2	53	1	9		90	GETRACO	Vietnamese
15	VO NHAT HOANG PHUC	TD2	54	1	8		70	GETRACO	Vietnamese
16	HOANG SY NGOC	P7	10	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN HUONG	P4	12	1	8		66	KHI	Vietnamese
18	TRAN DUY KHUONG	P4	02	1	5		91	KHI	Vietnamese
19	HOANG THAI DUONG	P4	01	1	5		72	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN CHIEN CONG	P4	11	1	4		72	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN THANH	P4	03	1	5		61	KHI	Vietnamese
22	BUI VAN TUAN	P4	10	1	12		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	15	22	202	1.065	20	7		CHUYEN 2 PAX TU P4 SANG PPD
2	P7	1	1	8	69	0	0		
3	P4	6	6	39	427	0	13		
4	PPD	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	29	249	1.561	20	20		
WEIGHT KG				249	1.561	20			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/10/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: RP3 - TD1 - TD2	CREW: QViệt - HUNG - QTrưởng	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ MINH TRUNG	RP3	34,45	2	14		60	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN TẤT KHÁNH	RP3	99	1	13		74	KHI	Vietnamese
3	ĐẠO VĂN THỊNH	RP3	98,100	2	19		70	KHI	Vietnamese
4	LÊ VĂN BAO	RP3	23	1	8		78	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LỢI	RP3	300	1	10		60	KHI	Vietnamese
6	LÊ VĂN ĐIỀU	RP3	99	1	8		60	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH PHÚC	RP3	58,800	2	12		70	KHI	Vietnamese
8	MAI VĂN CỎI	RP3	97-98	2	15		75	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TRUNG	RP3	19	1	5		70	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY CHÍNH	RP3	17	1	5		60	PSV	Vietnamese
11	VUÔNG ĐỨC HUY	RP3	21	1	15		98	PSV	Vietnamese
12	ĐỖ LY KHÁNH	RP3	16	1	10		82	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN THÀNH NHÂN	RP3	14-15	2	13		71	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY QUYÊN	RP3	18	1	8		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY TÂM	RP3	20	1	6		65	PSV	Vietnamese
16	BUI ĐỨC ANH	RP3	22	1	8		72	PSV	Vietnamese
17	PHẠM THANH HÙNG	RP3	52	1	8		65	PSV	Vietnamese
18	KHUC NGOC HIEU	RP3	22-23	2	13	12	86	KHI	Vietnamese
19	BUI SĨ CUONG	TD2	68	1	6		60	GETRACO	Vietnamese
20	TRẦN HỮU THƯƠNG	TD2	67	1	6		84	GETRACO	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC TUÂN	TD2	66	1	10		78	DKVN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

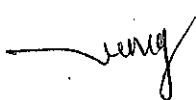
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	18	24	190	1.281	12	7		CHUYEN 2 KHACH TU TD1 SANG TD2
2	TD1	0	0	0	0	0	0+2		
3	TD2	3	3	22	222	0	7		
TOTAL		21	27	212	1.503	12	14		
WEIGHT KG				212	1.503	12			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

